**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II - MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11**

| **TT** | | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **1** | | **A. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA** | ***A.1. LIÊN BANG NGA*** | **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ LB Nga.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  - Trình bày được đặc điểm dân cư và xã hội của LB Nga.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.  - Trình bày được những khó khăn và những thành quả của sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.  - Trình bày được một số ngành kinh tế chủ chốt.  - Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ kinh tế LB Nga.  - Ghi nhớ một số địa danh.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được thuận lợi của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được khó khăn của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.  - So sánh được đặc trưng của một số vùng kinh tế tập trung của LB Nga.  **Vận dụng:**  - Phân tích được quan hệ đa dạng giữa LB Nga và Việt Nam.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga. | |
| ***A.2. NHẬT BẢN*** | **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí Nhật Bản.  - Biết phạm vi lãnh thổ Nhật Bản.  - Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  - Ghi nhớ một số địa danh.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành công nghiệp.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành nông nghiệp.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được những thuận lợi của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được những khó khăn của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư của Nhật Bản.  - Phân tích được ảnh hưởng của các đặc điểm dân cư Nhật Bản tới kinh tế.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt. | |
| **2** | | **B. KĨ NĂNG** | ***B.1. Nhận xét bảng số liệu và biểu đồ*** | **Thông hiểu:**  - Nhận xét bảng số liệu.  - Nhận xét biểu đồ. | |
|  | |  | ***B.2. Vẽ và phân tích biểu đồ, phân tích số liệu thống kê*** | **Vận dụng:**  - Vẽ biểu đồ cột và phân tích biểu đồ; phân tích số liệu thống kê. | |
|  | | | |  | |
|  | | | |  | |
|  | | | |  | |
|  | | | |  | |